TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:32/2022/HNGĐ - ST.
Ngày 17 tháng 6 năm 2022
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Đào;

Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Anh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2022/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc: "ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST-HPT ngày 03 tháng 6 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Hà Văn N, sinh năm 1983.

Nơi ĐKHKTT: Xóm Kén, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Hiện nay đang ở nước ngoài.

- Bị đơn: Chị Trịnh Mai K, sinh năm 1985.

Nơi ĐKHKTT: Xóm Kén, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Hà Đức T, sinh năm 1963.

Nơi ĐKHKTT: Xóm Kén, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Anh N, chị K và ông T có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn ngày 26/12/2021, và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Hà Văn N trình bày: Anh N và chị K kết hôn ngày 11/8/2003, trước khi kết hôn tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Văn Luông, huyện T (nay là huyện T), tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc hạnh phúc đến ngày 19/8/2018 Anh N xuất cảnh lao động tại Đài Loan làm việc. Sau bốn tháng làm việc tại Đài Loan thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cho đến nay, vợ chồng không còn tin tưởng nhau nên anh làm đơn đề nghị xin ly hôn chị K.

Về con chung: Anh N xác định vợ chồng có hai con chung là Hà Trịnh Gia H, sinh ngày 30/10/2004 và Hà Quốc V, sinh ngày 28/5/2011. Anh và chị K sẽ tự

sắp xếp việc nuôi con để các cháu khôn lớn, anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh N không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Bị đơn chị Trịnh Mai K trình bày:* Về ngày tháng năm kết hôn và các thủ tục xung quanh việc kết hôn chị không bổ sung gì, quá trình chung sống chị K cũng xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, kể từ năm 2018 khi Anh N đi nước ngoài đến nay vợ chồng ít quan tâm đến nhau, không còn liên lạc gì, Anh N không có trách nhiệm với gia đình vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn với Anh N.

Về con chung: Chị K xác định vợ chồng có hai con chung là Hà Trịnh Gia H, sinh ngày 30/10/2004 và Hà Quốc V, sinh ngày 28/5/2011. Nay chị có nguyện vọng nuôi cháu V và để Anh N nuôi cháu H đến khi các cháu thành niên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị K xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Đức T trình bày: ông là bố đẻ của Anh N và là bố chồng của chị K; gia đình đã nhận được các văn bản của tòa án gửi đến.

Về tình cảm vợ chồng cháu N và cháu K do hai cháu xa nhau lâu ngày nên không còn tình cảm, hai cháu ly hôn thì gia đình cũng nhất trí.

Về con chung: Cháu N và cháu K có hai con chung như các cháu trình bày. Chị K đề nghị được nuôi cháu Vvà để Anh N nuôi cháu H đến khi các cháu thành niên gia đình cũng nhất trí. Trong thời gian Anh N ở nước ngoài ông nhất trí nuôi dưỡng cháu H cho đến khi Anh N về nước và ông không đề nghị Anh N, chị K phải cấp dưỡng nuôi cháu H cùng ông. Khi Anh N về nước ông sẽ có trách nhiệm giao cháu H cho Anh N nuôi dưỡng.

Về án phí, chi phí tố tụng: Cháu K nộp nên cháu K chịu toàn bộ.

Quá trình giải quyết vụ án, theo đơn đề nghị của chị K, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã trưng cầu giám định đối với Dấu vân tay của anh Hà Văn N tại trang 02 của đơn xin ly hôn ngày 26/12/2021, hộ chiếu số: C5235196 cấp ngày 17/5/2018 so với mẫu so sánh là 01 bản gốc chứng minh nhân dân số 131379694 ngày 22/10/2016 mang tên Hà Văn N có phải do cùng một người điểm chỉ hay không?. Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Thọ đã ra kết luận giám định đối với đối tượng giám định nêu trên.

Chị K nộp tạm ứng chi phí giám định là 6.000.000đ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng qui định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào điều 51, 55, điều 81, 82, 83, 123 và điều 127 của luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Hà Văn N và chị Trịnh Mai K.

Về con chung: Giao cháu Hà Trịnh Gia H, sinh ngày 30/10/2004 cho anh Hà Văn N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Trong thời gian Anh N ở nước ngoài tạm giao cháu Hà Trịnh Gia H cho ông Hà Đức T, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi Anh N về nước đón cháu. Giao cháu Hà Quốc V, sinh ngày 28/5/2011 cho chị Trịnh Mai K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về chi phí tố tụng: Chị K tự nguyện chịu toàn bộ nên cần công nhận.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị K và Anh N phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Hà Văn N gửi đơn xin ly hôn yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con chung với chị Trịnh Mai K tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn Anh N trình bày hiện đang sống và làm việc tại Đài Loan. Đơn xin ly hôn nghi ngày 26/12/20221 kèm theo đơn Anh N gửi hộ chiếu và tài liệu chứng cứ khác kèm theo, Đơn xin ly hôn, hộ chiếu Anh N đã ký và điểm chỉ, ngày 10/02/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ có công văn số 02/TA-DS gửi Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an với nội dung cung cấp thông tin xuất nhập cảnh đối với anh Hà Văn N. Tại công văn số: 2996/QLXNC – P5 ngày 15/02/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định anh Hà Văn N đã xuất cảnh ngày 19/8/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Trong vụ án này Anh N không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 2 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị K, ông T có đơn xin vắng mặt; Anh N có đề nghị xử vắng mặt tại đơn xin ly hôn. Do vậy, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 288 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt Anh N, chị K, ông T là phù hợp.

[2]. Về nội dung:

- Tại kết luận giám định số: 461/KLGĐ ngày 13/4/2022 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Thọ kết luận. Dấu vân tay dưới các mục "Người làm đơn" trong "Đơn xin ly hôn" đề ngày 26/12/2021 và "Chữ ký người mang hộ chiếu" trong bản sao hộ chiếu số: C5235196 cấp ngày 17/5/2018 so với các dấu vân tay in tại ô "ngón trỏ trái" và "ngón trỏ phải" trên Chứng Minh Nhân Dân số: 131379694 ghi tên Hà Văn N, sinh ngày 11/01/1983; Nơi ĐKHK thường trú: Văn Miếu, huyện T, Phú Thọ do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 22/10/2016 là do cùng một người in ra. Như vậy, đơn xin ly hôn nêu trên thể hiện đúng ý chí của Anh N nên có giá trị chứng minh để giải quyết vụ án.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị K trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 11/8/2003, đăng ký kết hôn tại UBND xã Văn Luông, huyện T (nay là huyện T), tỉnh Phú Thọ. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa Anh N và chị K xảy ra mâu thuẫn từ năm 2018 đến nay, nguyên nhân do vợ chồng không còn tin tưởng nhau, ít quan tâm đến nhau. Nay Anh N xin ly hôn, chị K nhất trí. Do vậy, cần công nhận thuận tình ly hôn giữa Anh N và chị K là phù hợp với Điều 55 luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh N và chị K có hai con chung là Hà Trịnh Gia H, sinh ngày 30/10/2004 và Hà Quốc V, sinh ngày 28/5/2011. Xét thấy cháu H có nguyện vọng xin được ở với Anh N, còn cháu V có nguyện vọng xin được ở với chị K; Thực tế hiện nay hai cháu đang ở với ông T, Anh N thì ở nước ngoài, chị K đang đi làm tại Hà Nội. Do vậy, để thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt của các cháu cũng như đúng ý nguyện của chị K, Anh N. Cần giao cho chị K được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hà Quốc V, sinh ngày 28/5/2011 và giao cho Anh N được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hà Trịnh Gia H, sinh ngày 30/10/2004, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

Đối với cháu H thì ông T nhất trí nuôi dưỡng cháu cho đến khi Anh N về nước ông sẽ có trách nhiệm giao cháu H cho Anh N nuôi dưỡng và không đề nghị Anh N, chị K phải cấp dưỡng nuôi cháu H cùng ông. Do đây là ý chí tự nguyện của ông Tnên cần chấp nhận.

[3]. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về chi phí tố tụng: Chị K nộp chi phí giám định là 6.000.000đ. Số tiền chi phí giám định thực tế là 3.000.000đ. Do vậy, cần hoàn lại cho chị Ksố tiền 3.000.000đ là phù hợp.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Kvà Anh N mỗi người phải chịu 75.000đ, tổng cộng 150.000đ là phù hợp.

[6]. Về quyền kháng cáo đối với bản án : Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điều 51, 55, điều 81, 82, 83 và điều 123 của luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 điều 207; khoản 1 điều 228; khoản 1, 2 điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Hà Văn N và chị Trịnh Mai K.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Trịnh Mai K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Hà Quốc V, sinh ngày 28/5/2011 và giao cho anh Hà Văn N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Hà Trịnh Gia H, sinh ngày 30/10/2004.

Trong thời gian Anh N ở nước ngoài tạm giao cháu Hà Trịnh Gia H cho ông Hà Đức T, trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi Anh N về nước thì ông T có trách nhiệm giao cháu Hlại cho Anh N.

Chị K, Anh N không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị K, Anh N không phải cấp dưỡng nuôi cháu Hcùng ông T. Vì ông Ttự nguyện không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về chi phí tố tụng: Chị K chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng) chi phí giám định. Xác nhận chị K nộp 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Hoàn lại cho chị K3.000.000đ (Ba triệu đồng).

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Anh Ngọc phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Xác nhận anh N do anh Hà Kim T nộp thay số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000158 ngày 28/02/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả lại cho anh Ngọc số tiền 225.000đ (Hai trăm hai m□ơi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chị K phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

[6]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị K, ông T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Thời hạn kháng cáo của Anh N là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Xuân Đào **Nguyễn Ngọc Thắng** **Nguyễn Hà Giang**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Các đ- ơng sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

- UBND xã Văn Luông;
- L- u hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hà Giang